TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 25- 7- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Tuấn H; cư trú tại số 34, tổ 14, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng *(Văn bản ủy quyền số 1543/2018/QĐ-LienViet PostBankHP ngày 25 tháng 7 năm 2018)*; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh N; cư trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Xuân Đ; cư trú tại Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP B do ông Hà Tuấn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11 tháng 11 năm 2016 chị Nguyễn Thị Minh N ký Hợp đồng tín dụng số 335/TDH/2016/360 với Ngân hàng TMCP B vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, mục đích vay: Mua sắm đồ gia dụng. Sau khi ký kết đầy đủ hợp đồng Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho chị Nguyễn Thị Minh N số tiền là 100.000.000đ theo khế ước số 335/TDH/2016/360/KU01 ngày 11 tháng 11 năm 2016.

Trong quá trình vay, chị Nguyễn Thị Minh N đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 19.762.116 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 12.952.000đồng, số tiền nợ lãi là 6.810.116 đồng. Sau đó chị Ngọc không trả nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm Hợp đồng tín dụng số 335/TDH/2016/360 ngày 11/11/2016. Tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019, chị Nguyễn Thị Minh N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 112.473.426 đồng (trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng, nợ lãi là 25.425.426 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019 là: 112.473.426 đồng (trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng, nợ lãi là 25.425.426 đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền lãi và lãi phạt phát sinh từ sau ngày 15 tháng 5 năm 2019 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp chị Nguyễn Thị Minh N không thanh toán được hoặc không trả hết nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thu hồi toàn bộ các khoản thu nhập, số dư tài khoản tiền gửi của chị Nguyễn Thị Minh N tại các Ngân hàng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Minh N đối với Ngân hàng.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Minh N xác định lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng tín dụng, số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại của Ngân hàng đã trình bày ở trên là đầy đủ, chính xác, chị không có ý kiến thắc mắc gì. Cụ thể chị xác nhận tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019, chị còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 112.473.426 đồng (trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng, nợ lãi là 25.425.426 đồng). Số tiền nợ Ngân hàng trên là số nợ riêng của chị nên chị không yêu cầu anh Phạm Xuân Đ phải trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng có đơn yêu cầu chị trả số tiền nợ nêu trên, chị có quan điểm đồng ý sẽ có trách nhiệm sẽ trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi Ngân hàng đã yêu cầu ở trên nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đề nghị Ngân hàng cho chị được trả số tiền nợ gốc là 1.000.000đồng/01 tháng và xin Ngân hàng miễn khoản nợ lãi cho chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Xuân Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Minh N kết hôn với nhau từ năm 2012 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống tại tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, chị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Tòa án nhân dân huyện An Dương đã giải quyết cho anh và chị N ly hôn vào ngày 02 tháng 4 năm 2019. Trong quá trình giải quyết ly hôn chị N cũng không trình bày về số nợ mà chị N vay của Ngân hàng TMCP B nên anh cũng không biết chị N vay số tiền đó của Ngân hàng vào thời gian nào và số tiền là bao nhiêu, mục đích chị Ngọc vay tiền để làm gì. Nay anh mới biết trong hợp đồng tín dụng, chị N vay số tiền đó để mua sắm đồ gia dụng. Thực tế ở thời điểm đó gia đình anh không mua bán thứ tài sản gì. Hiện tại anh và chị N đã ly hôn nhưng về phần tài sản chung của vợ chồng vẫn chưa giải quyết. Hiện tại chị N vẫn đang quản lý, sử dụng tài sản. Anh không biết chị N vay số tiền đó sử dụng vào việc gì nên anh không có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên đánh giá: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 305, Điều 471, Khoản 1 Điều 474, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019 là: 112.473.426 đồng (trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng, nợ lãi là 25.425.426 đồng). Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp chị Nguyễn Thị Minh N không thanh toán được hoặc không trả hết nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thu hồi toàn bộ các khoản thu nhập, số dư tài khoản tiền gửi của chị Nguyễn Thị Minh N tại các Ngân hàng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Minh N đối với Ngân hàng do tại Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Minh N không thỏa thuận về nội dung này.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện An Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP B có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị Nguyễn Thị Minh N, cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng . Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Xét về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Xuân Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Xuân Đ có quan điểm xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Xuân Đ.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đòi chị Nguyễn Thị Minh N trả số tiền nợ gốc là 87.048.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tạo phiên tòa, xét thấy có đủ cơ sở xác định: Ngày 11 tháng 11 năm 2016 chị Nguyễn Thị Minh N đã ký Hợp đồng tín dụng số 335/TDH/2016/360 với Ngân hàng TMCP B vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, mục đích vay: Mua sắm đồ gia dụng. Việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Minh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng tín dụng số 335/TDH/2016/360 ngày 11 tháng 11 năm 2016 có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị Minh N đã được Ngân hàng giải ngân số tiền là 100.000.000đ theo khế ước số 335/TDH/2016/360/KU01 ngày 11 tháng 11 năm 2016. Trong quá trình vay, chị Nguyễn Thị Minh N đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 19.762.116 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 12.952.000đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Minh N đều xác nhận tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019 chị Nguyễn Thị Minh N còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 335/TDH/2016/360 ngày 11/11/2016 tổng số tiền là: 112.473.426 đồng trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng. Chị Ngọc thừa nhận số tiền chị nợ Ngân hàng là nợ riêng của chị, không liên quan gì đến anh Phạm Xuân Đ. Do đó yêu cầu của Ngân hàng TMCP B buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 87.048.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đòi chị Nguyễn Thị Minh N trả số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2019 là 25.425.426 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 15 tháng 5 năm 2019 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Minh N đều xác nhận tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019, chị Nguyễn Thị

Minh N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 112.473.426 đồng (trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng, nợ lãi là 25.425.426 đồng). Cách tính tiền lại của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng TMCP B đòi chị Nguyễn Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tạm tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019 là 25.425.426 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 15 tháng 5 năm 2019 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp chị Nguyễn Thị Minh N không thanh toán được hoặc không trả hết nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thu hồi toàn bộ các khoản thu nhập, số dư tài khoản tiền gửi của chị Nguyễn Thị Minh N tại các Ngân hàng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Minh N đối với Ngân hàng. Xét thấy nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 335/TDH/2016/360 ngày 11/11/2016 giữa Ngân hàng và chị Ngọc không thỏa thuận về nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 305,471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2019 là 112.473.426 đồng (Một trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 87.048.000 đồng (Tám mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng, nợ lãi là 25.425.426 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này.

Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 5.623.671 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 2.566.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004114 ngày 11 tháng 3 năm 2019).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi